

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 24 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHOÁ IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 5932/TTr-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Đắk Nông như sau:

1. Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trước khi sửa đổi, bổ sung là 293.039,84 ha, cụ thể:

Đơn vị tính: Ha

STT	Huyện/TP	Diện tích quy hoạch ba loại rừng trước khi sửa đổi, bổ sung			
		Tổng diện tích	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Rừng sản xuất
1	Đắk Glong	99.568,74	19.360,46	23.780,17	56.428,11
2	Đắk Mil	20.474,22	2.481,8		17.992,42
3	Đắk R'Lấp	13.798,82	12.816,72		982,1
4	Đắk Song	24.827,95	2.313,86	3.577,8	18.936,29
5	Cư Jút	37.074,07	1.426,17	2.979	32.668,9
6	Krông Nô	32.541,46	9.393,9	10.675,6	12.471,96
7	Tuy Đức	60.960,81	12.988,58		47.972,23
8	TP. Gia Nghĩa	3.793,77	3.149,86		643,91
Tổng cộng		293.039,84	63.931,35	41.012,67	188.095,82

2. Điều chỉnh từ quy hoạch rừng phòng hộ ra ngoài quy hoạch ba loại rừng diện tích 0,79 ha để xây dựng công trình Ghi danh liệt sĩ hy sinh tại Đồn Biên phòng cửa khẩu Bu P'răng. Vị trí: Tại lô 1, 3 khoảnh 3, tiểu khu 1439; lô 1, khoảnh 1, tiểu khu 1440 thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, do Ban quản lý rừng phòng hộ Vành đai Biên giới quản lý.

3. Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông sau khi sửa đổi, bổ sung là 293.039,05 ha, cụ thể:

STT	Huyện/TP	Diện tích quy hoạch ba loại rừng sau khi sửa đổi, bổ sung			
		Tổng diện tích	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Rừng sản xuất
1	Đắk Glong	99.568,74	19.360,46	23.780,17	56.428,11
2	Đắk Mil	20.474,22	2.481,8		17.992,42
3	Đắk R'lấp	13.798,82	12.816,72		982,1
4	Đắk Song	24.827,95	2.313,86	3.577,80	18.936,29
5	Cư Jút	37.074,07	1.426,17	2.979	32.668,90
6	Krông Nô	32.541,46	9.393,90	10.675,60	12.471,96
7	Tuy Đức	60.960,02	12.987,79		47.972,23
8	TP. Gia Nghĩa	3.793,77	3.149,86		643,91
Tổng cộng		293.039,05	63.930,56	41.012,57	188.095,92

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khoá IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 8 thông qua ngày 24 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện và thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT & TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - SNV;
- Website cơ quan;
- Lưu VT, CT.HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung